TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 12 – 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hanh

Bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Chu Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Khổng Thị H, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Vương Văn Q, sinh năm 1994 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Khổng Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Vương Văn Q ngày 09/3/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết

hôn, chị về sống chung cùng gia đình anh Q tại thôn P, xã A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường; đến tháng 3/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên xảy ra xô xát; ngoài ra anh Q không chịu khó làm việc, thường xuyên giao lưu với các bạn xấu, không quan tâm chăm sóc đến gia đình; chị đã khuyên nhủ anh Q nhiều lần nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên tháng 4/2022 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2023, bị đơn anh Vương Văn Q trình bày: Anh kết hôn với chị Khổng Thị H ngày 09/3/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị H về chung sống cùng gia đình anh. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Đến tháng 3/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xô xát; tháng 4/2022 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung, chị H và anh Q đều trình bày: Anh chị có 02 con chung là cháu Vương Minh K, sinh ngày 04/12/2018 và cháu Vương Gia H, sinh ngày 31/8/2021. Hiện nay cả 02 con đang ở với bố mẹ anh Q.

Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Vương Minh K và cháu Vương Gia H, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q đề nghị để bố mẹ đẻ của anh được nuôi cháu Vương Minh K, vì anh đang bị tạm giam; để chị H được nuôi cháu Vương Gia H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị Hvà anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khổng Thị H, cho H được ly hôn anh Vương Văn Q. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Vương Minh K và cháu Vương Gia H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Khổng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn anh Vương Văn Q có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện TD thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn anh Vương Văn Q vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Khổng Thị H và anh Vương Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, chị H và anh Q đã sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay, trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q có nhiều mâu thuẫn; từ tháng 4/2022 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không sống cùng anh Q. Hội đồng xét xử xét thấy chị H có đơn xin ly hôn anh Q, anh Q cũng đồng ý ly hôn, điều đó chứng tỏ giữa chị H và anh Q đã không còn sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đề nghị được ly hôn anh Q là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị H và anh Q có 02 con chung là cháu Vương Minh K, sinh ngày 04/12/2018 và cháu Vương Gia H, sinh ngày 31/8/2021; hiện nay cả 02 cháu đang ở cùng bố mẹ đẻ anh Q. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu K và cháu H; Anh Q đề nghị để bố mẹ đẻ của anh được nuôi cháu K, để chị H được nuôi cháu H.

Xét thấy, tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi..."*. Cháu H hiện nay còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi; đối với cháu K đã trên 36 tháng tuổi. Anh Q hiện nay đang bị tạm giam; chị H đang làm công việc bán quần áo và dạy Yoga, thu nhập trung bình 15.000.000đồng/tháng, có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H và cháu K, do vậy cần giao cháu H và cháu K cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Do chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Khổng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Khổng Thị H được ly hôn anh Vương Văn Q.

2. Về con chung: Chị Khổng Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vương Minh K, sinh ngày 04/12/2018 và cháu Vương Gia H, sinh ngày 31/8/2021; anh Vương Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Về án phí: Chị Khổng Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001515 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự.
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh